

THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN TRONG MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM MẠNH THẮNG
HUỖNH SANG DŨ
Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 18/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 18/7/2026.

Abstract

In the context of implementing the 2018 General Education Program in Vietnam, project-based learning has been recognized as an effective approach to fostering students' qualities and competencies in Economics and Law Education. This study employed document analysis, questionnaire surveys, pedagogical experimentation, and statistical analysis to design and implement a learning project for Grade 11 students at Le Hong Phong High School for the Gifted, Ho Chi Minh City. The experimental results indicated that students in the experimental class achieved higher learning outcomes than those in the control class. They also demonstrated noticeable improvements in learning autonomy, responsibility, and collaborative competence throughout the learning process. The findings provide further empirical evidence supporting the feasibility and effectiveness of project-based learning in teaching Economics and Law Education at the upper secondary level.

Keywords: Economics and Law Education, pedagogical experiment, Project-based learning, qualities and competency development, upper secondary education.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo định hướng phát triển phẩm chất (PC) và năng lực (NL) người học là một trong những yêu cầu trọng tâm của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2018a). Đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GDKTPL), việc tổ chức các hoạt động học tập (HT) gắn với thực tiễn có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành NL vận dụng kiến thức, giải quyết vấn đề, hợp tác và trách nhiệm của học sinh (HS) (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2018b). Trong đó, dạy học dựa trên dự án (DH DTDA) được xem là một phương pháp phù hợp vì tạo cơ hội để HS học thông qua trải nghiệm, giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn và tạo ra sản phẩm HT có ý nghĩa. Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã khẳng định hiệu quả của DH DTDA trong việc nâng cao kết quả HT và phát triển NL người học (Thomas, 2000; Bell, 2010; Cao Thành Tấn và cộng sự, 2023). Tuy nhiên, các nghiên cứu về vận dụng phương pháp này trong môn GDKTPL lớp 11 còn chưa nhiều, đặc biệt là những nghiên cứu xây dựng đồng bộ từ thiết kế dự án HT, tổ chức thực hiện đến đánh giá hiệu quả bằng thực nghiệm sư phạm trong điều kiện cụ thể của nhà trường. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này tập trung thiết kế và tổ chức DH DTDA đối với chủ đề “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh” trong môn GDKTPL lớp 11 tại Trường Trung học Phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo hướng nghiên cứu ứng dụng nhằm thiết kế, tổ chức và đánh giá hiệu quả của DH DTDA trong môn GDKTPL lớp 11.

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở lí luận về DH DTDA, định hướng phát triển PC và NL theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời phân

Email: thangpm@hcmue.edu.vn

tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước làm cơ sở cho việc thiết kế dự án HT và xây dựng công cụ đánh giá.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được thực hiện đối với 246 HS, 04 GV và 02 cán bộ quản lý của Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm khảo sát thực trạng vận dụng DH DTDA trong môn GDKTPL. Đồng thời, phương pháp quan sát và phỏng vấn được sử dụng để thu thập các minh chứng định tính, hỗ trợ phân tích kết quả khảo sát và quá trình tổ chức DH.

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành trên hai lớp 11 có trình độ tương đương, gồm lớp thực nghiệm 11KTPL.2 (37 HS) và lớp đối chứng 11KTPL.1 (38 HS). Lớp thực nghiệm được tổ chức DH theo dự án “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh”, trong khi lớp đối chứng được dạy theo phương pháp thông thường. Hiệu quả của phương pháp được đánh giá thông qua bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm kết hợp với phiếu quan sát quá trình thực hiện dự án, phiếu tự đánh giá, phiếu đánh giá đồng đẳng và rubric đánh giá sản phẩm dự án.

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0. Nghiên cứu sử dụng các thống kê mô tả gồm giá trị trung bình và độ lệch chuẩn, kết hợp với kiểm định Independent Samples t-test và Paired Samples t-test nhằm đánh giá sự tương đồng giữa hai lớp trước thực nghiệm, sự thay đổi kết quả HT sau thực nghiệm và hiệu quả của việc vận dụng DH DTDA. Dữ liệu định tính thu thập từ quan sát, phỏng vấn và các công cụ đánh giá quá trình được tổng hợp, phân tích và đối chiếu nhằm làm rõ các kết quả định lượng.

2.2. Thiết kế và tổ chức dạy học dựa trên dự án

2.2.1. Thiết kế dự án học tập

a. Cơ sở lựa chọn nội dung thiết kế dự án học tập

Việc lựa chọn nội dung thiết kế dự án HT có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả vận dụng PPDH DTDA trong môn GDKTPL. Nội dung dự án phải bảo đảm yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, đặc điểm môn học, đối tượng HS và điều kiện DH tại Trường Trung học Phổ thông chuyên Lê Hồng Phong. Trên cơ sở đó, đề tài lựa chọn nội dung thiết kế dự án HT dựa trên các căn cứ sau:

Thứ nhất, bảo đảm phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Chủ đề 4 “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các NL cần thiết của người kinh doanh” và Chủ đề 5 “Đạo đức kinh doanh” có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung và mục tiêu, tạo điều kiện tích hợp thành một dự án HT thống nhất, giúp HS vận dụng kiến thức một cách toàn diện.

Thứ hai, đáp ứng mục tiêu phát triển PC và NL của HS. Thông qua dự án, HS được vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, phát triển các NL tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; đồng thời hình thành các PC như chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và ý thức tuân thủ đạo đức kinh doanh.

Thứ ba, xuất phát từ kết quả khảo sát thực trạng. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy GV và HS có nhận thức tích cực về DH DTDA, tuy nhiên, việc vận dụng còn chưa đồng bộ và thiếu các dự án HT hoàn chỉnh. Vì vậy, việc thiết kế dự án tích hợp Chủ đề 4 và Chủ đề 5 góp phần đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu quả tổ chức DH.

Thứ tư, phù hợp với đặc điểm HS và điều kiện tổ chức DH của nhà trường. HS lớp 11 có khả năng tự học, tư duy độc lập và tinh thần hợp tác tốt; đồng thời nhà trường luôn khuyến khích đổi mới PPDH và tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án.

Thứ năm, bảo đảm tính khả thi về thời lượng và tiến trình DH. Chủ đề 4 và Chủ đề 5 được bố trí liên mạch trong chương trình, có nội dung bổ trợ cho nhau, phù hợp để HS thực hiện đầy đủ các giai đoạn của dự án.

Thứ sáu, bảo đảm tính kế thừa và phù hợp với tiến trình nhận thức của HS. Trước khi học hai chủ đề này, HS đã được trang bị kiến thức nền về hoạt động kinh tế và thị trường, tạo cơ sở để xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch và triển khai dự án kinh doanh.

Từ những căn cứ trên, nghiên cứu lựa chọn thiết kế dự án HT “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức

kinh doanh thông qua dự án kinh doanh” để tổ chức thực nghiệm sư phạm. Dự án được xây dựng theo định hướng lấy HS làm trung tâm, tích hợp nội dung của Chủ đề 4 và Chủ đề 5 trong một nhiệm vụ HT thống nhất, góp phần phát triển PC, NL HS và kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả của PPDH DTDA trong môn GDKTPL lớp 11 tại Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong.

b. Dự án “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh”

Khái quát về dự án học tập

Trên cơ sở các nguyên tắc thiết kế dự án HT và căn cứ lựa chọn nội dung, nghiên cứu xây dựng dự án “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh” để tổ chức thực nghiệm trong DH môn GDKTPL lớp 11 tại Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong.

Dự án tích hợp Chủ đề 4 “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các NL cần thiết của người kinh doanh” với Chủ đề 5 “Đạo đức kinh doanh”, tạo điều kiện để HS vận dụng kiến thức vào xây dựng và triển khai một dự án kinh doanh phù hợp với môi trường học đường. Trong quá trình thực hiện, HS trải qua các giai đoạn từ hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thiết kế và quảng bá sản phẩm đến tổ chức kinh doanh, đánh giá kết quả, đồng thời vận dụng các nguyên tắc của đạo đức kinh doanh và quy định của pháp luật.

Để bảo đảm việc tổ chức thực nghiệm được thống nhất, nghiên cứu xây dựng hệ thống hồ sơ gồm kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, rubric đánh giá sản phẩm, phiếu tự đánh giá, phiếu đánh giá đồng đẳng, báo cáo dự án và các tài liệu hướng dẫn.

Trên cơ sở đó, nội dung và các hồ sơ của dự án “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh” được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1: Khái quát dự án HT

STT	Nội dung	Mô tả
1	Tên dự án	Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh
2	Môn học	GDKTPL lớp 11
3	Chủ đề tích hợp	Chủ đề 4: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các NL cần thiết của người kinh doanh; Chủ đề 5: Đạo đức kinh doanh
4	Đối tượng thực hiện	HS lớp 11KTP.L2
5	Thời lượng	Tuần 11 – 15 (Từ ngày 14/11 - 12/12/2025)
6	Hình thức tổ chức	Hoạt động nhóm, kết hợp HT trên lớp và thực hiện nhiệm vụ ngoài giờ học
7	Vấn đề trung tâm	HS có thể xây dựng và triển khai một dự án kinh doanh phù hợp với lứa tuổi, khả thi và bảo đảm đạo đức kinh doanh như thế nào?
8	Sản phẩm HT	Báo cáo dự án kinh doanh, sản phẩm/dịch vụ kinh doanh, bài thuyết trình, minh chứng truyền thông và kết quả kinh doanh
9	Công cụ đánh giá	Rubric đánh giá sản phẩm, phiếu tự đánh giá, phiếu đánh giá đồng đẳng, phiếu quan sát, phiếu đánh giá giờ học

Bảng 1 cho thấy dự án được thiết kế theo hướng tích hợp hai chủ đề trong một nhiệm vụ HT thống nhất. HS không chỉ tiếp thu kiến thức về ý tưởng, cơ hội và đạo đức kinh doanh mà còn trực tiếp trải nghiệm quá trình xây dựng và triển khai một dự án kinh doanh phù hợp với môi trường học đường. Qua đó, HS được tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Mục tiêu của dự án: Dự án hướng tới giúp HS nắm được những nội dung cơ bản về ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh, các NL cần thiết của người kinh doanh và đạo đức kinh doanh. Trên cơ sở đó, HS biết phân tích nguồn hình thành ý tưởng, đánh giá cơ hội kinh doanh, nhận diện NL kinh doanh của bản thân và vận dụng kiến thức kinh tế, pháp luật để đề xuất phương án kinh doanh phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. Thông qua quá trình thực hiện dự án, HS được phát triển các NL chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; đồng thời hình thành các NL đặc thù của môn GDKTPL, đặc biệt là NL phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội. Bên cạnh đó, dự án còn góp phần bồi dưỡng các PC chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm trong HT cũng như trong hoạt động kinh doanh phù hợp với lứa tuổi.

Nội dung dự án: Dự án “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh” được xây dựng trên cơ sở tích hợp nội dung Chủ đề 4 “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các NL

cần thiết của người kinh doanh” với Chủ đề 5 “Đạo đức kinh doanh” trong môn GDKTPL lớp 11. Dự án hướng tới việc giúp HS vận dụng kiến thức để xây dựng và triển khai một dự án kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Trong dự án, HS làm việc theo nhóm để khảo sát nhu cầu, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, phân tích cơ hội kinh doanh, xây dựng kế hoạch, thiết kế và truyền thông sản phẩm, tổ chức kinh doanh và đánh giá kết quả. Xuyên suốt quá trình thực hiện, HS vận dụng các nguyên tắc của đạo đức kinh doanh và các quy định của pháp luật trong việc đưa ra quyết định và giải quyết các tình huống phát sinh. Kết quả của dự án được thể hiện thông qua sản phẩm kinh doanh và quá trình thực hiện của HS, từ lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, hợp tác, báo cáo đến tự đánh giá. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng hệ thống hồ sơ tổ chức dự án nhằm bảo đảm việc triển khai và đánh giá được thực hiện thống nhất trong quá trình thực nghiệm sư phạm.

2.2.2. Tổ chức thực hiện dự án

a. Tiến trình tổ chức dự án học tập

Để bảo đảm dự án HT được triển khai thống nhất, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và điều kiện tổ chức DH tại Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, dự án “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và đạo đức kinh doanh thông qua dự án kinh doanh” được tổ chức theo tiến trình sau:

Giai đoạn 1: Khởi động dự án: GV giới thiệu mục tiêu, nội dung và yêu cầu của dự án; tổ chức chia nhóm, định hướng nhiệm vụ và giúp HS xác định ý tưởng kinh doanh phù hợp.

Giai đoạn 2: Giao nhiệm vụ và lập kế hoạch: GV giao phiếu nhiệm vụ, hướng dẫn HS phân công công việc, xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định sản phẩm và tiến độ của dự án.

Giai đoạn 3: Thực hiện dự án: Các nhóm triển khai kế hoạch, khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện sản phẩm. GV theo dõi, hỗ trợ và đánh giá quá trình thông qua phiếu quan sát.

Giai đoạn 4: Báo cáo và phản biện: Các nhóm trình bày sản phẩm, trao đổi và phản biện lẫn nhau; GV nhận xét, góp ý và định hướng hoàn thiện sản phẩm dự án.

Giai đoạn 5: Đánh giá và tổng kết: GV tổ chức đánh giá quá trình và sản phẩm dự án bằng rubric, kết hợp phiếu tự đánh giá, phiếu đánh giá đồng đẳng và bài kiểm tra trước, sau thực nghiệm để xác định hiệu quả của PP DH DTDA.

Tiến trình trên được cụ thể hóa thông qua kế hoạch bài dạy và hệ thống hồ sơ tổ chức dự án, bảo đảm tính thống nhất trong quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực nghiệm.

b. Hồ sơ tổ chức dự án

Các hồ sơ được thiết kế bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, PP tổ chức và hệ thống đánh giá; đồng thời bám sát yêu cầu cần đạt của Chủ đề 4 “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các NL cần thiết của người kinh doanh” và Chủ đề 5 “Đạo đức kinh doanh”. Hệ thống hồ sơ tổ chức dự án gồm: Kế hoạch bài dạy; Phiếu giao nhiệm vụ dự án; Rubric đánh giá sản phẩm dự án; Phiếu tự đánh giá; Phiếu đánh giá đồng đẳng; Phiếu đánh giá giờ học; Báo cáo sản phẩm dự án; Ma trận bài test trước và sau thực nghiệm; Đề test trước thực nghiệm; Bài test sau thực nghiệm.

Việc xây dựng đồng bộ các hồ sơ trên góp phần chuẩn hóa quá trình tổ chức DH DTDA, tạo điều kiện để GV dễ dàng theo dõi, hỗ trợ và đánh giá quá trình HT của HS; đồng thời giúp HS chủ động trong việc lập kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ, tự đánh giá và hoàn thiện sản phẩm.

2.3. Kết quả thực nghiệm

2.3.1. Kết quả trước thực nghiệm

Để đánh giá sự tương đồng giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm trước khi tiến hành thực nghiệm, nghiên cứu tổ chức bài kiểm tra đầu vào với cùng nội dung, hình thức và tiêu chí đánh giá:

Bảng 2: So sánh kết quả kiểm tra trước thực nghiệm giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm

Lớp	Số HS	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Mean	S.D
11KTPL.1 (Lớp đối chứng)	38	6.5	9.0	7.90	0.52
11KTPL.2(Lớp thực nghiệm)	37	6.75	9.0	7.85	0.48

Kết quả cho thấy điểm trung bình của lớp đối chứng đạt Mean = 7,90; S.D = 0,52, trong khi lớp thực nghiệm đạt Mean = 7,85; S.D = 0,48. Chênh lệch điểm trung bình giữa hai lớp chỉ 0,05 điểm, cho thấy kết quả HT ban đầu của hai nhóm tương đối tương đồng. Kết quả kiểm định Independent Samples t-test cho thấy $t = 0,431$; Sig. = 0,668 > 0,05, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai lớp trước thực nghiệm. Như vậy, hai nhóm có trình độ ban đầu tương đương, bảo đảm cơ sở để đánh giá tác động của DH DTDA ở giai đoạn sau.

2.3.2. Kết quả sau thực nghiệm

Sau khi kết thúc thực nghiệm, nghiên cứu tiến hành kiểm tra kết quả HT của hai lớp bằng cùng một đề kiểm tra:

Bảng 3: So sánh kết quả kiểm tra sau thực nghiệm giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm

Lớp	Số HS	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	Mean	S.D
11KTPL.1 (Lớp đối chứng)	38	7.75	9.0	8.46	0.34
11KTPL.2 (Lớp thực nghiệm)	37	8.75	10.0	9.22	0.34

Kết quả cho thấy điểm trung bình của lớp thực nghiệm đạt Mean = 9,22; S.D = 0,34, cao hơn lớp đối chứng Mean = 8,46; S.D = 0,34). Kiểm định Paired Samples t-test cho thấy điểm số của cả hai lớp đều tăng sau thực nghiệm (Sig. < 0,001), tuy nhiên mức tăng của lớp thực nghiệm là 1,365 điểm cao hơn rõ rệt so với lớp đối chứng là 0,559 điểm. Kết quả Independent Samples t-test cho thấy $t = -9,682$; Sig. < 0,001, khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai lớp sau thực nghiệm. Điều này cho thấy việc vận dụng DH DTDA đã góp phần nâng cao kết quả HT của HS.

2.3.3. Kết quả đánh giá quá trình thực hiện dự án

a. Kết quả quan sát quá trình thực hiện dự án

Để đánh giá quá trình thực hiện dự án, nghiên cứu sử dụng phiếu quan sát gồm 14 tiêu chí phản ánh các hoạt động từ lập kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ, hợp tác nhóm đến hoàn thành sản phẩm. Kết quả được trình bày ở bảng 4:

Bảng 4: Kết quả quan sát quá trình thực hiện dự án của nhóm HS

STT	Tiêu chí	Số nhóm	Mean	S.D
1	Xác định đúng mục tiêu và nhiệm vụ của dự án	4	4.5	0.577
2	Phân công nhiệm vụ phù hợp giữa các thành viên	4	4.0	0.816
3	Xây dựng kế hoạch rõ ràng, khả thi	4	4.25	0.500
4	Chủ động tìm kiếm và khai thác thông tin	4	4.75	0.500
5	Phân tích, xử lý và lựa chọn thông tin	4	4.0	0.816
6	Phối hợp hiệu quả giữa các thành viên	4	4.25	0.500
7	Giải quyết khó khăn phát sinh	4	4.5	0.577
8	Thực hiện đúng tiến độ	4	4.0	0.816
9	Tích cực tham gia hoạt động nhóm	4	4.5	0.577
10	Lắng nghe và tôn trọng ý kiến	4	4.5	0.577
11	Có trách nhiệm với nhiệm vụ	4	4.25	0.500
12	Chủ động trao đổi, đóng góp ý tưởng	4	4.0	0.816
13	Chuẩn bị đầy đủ minh chứng	4	4.75	0.500
14	Hoàn thành sản phẩm đúng yêu cầu	4	4.5	0.577

Kết quả cho thấy điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 4,00 đến 4,75, với S.D từ 0,50 đến 0,82, phản ánh các nhóm HS thực hiện dự án ở mức tốt và có sự thống nhất tương đối. Các tiêu chí “Chủ động tìm kiếm và khai thác thông tin” và “Chuẩn bị đầy đủ minh chứng” đạt điểm trung bình cao nhất (Mean = 4,75). Trong khi đó, các tiêu chí về phân công nhiệm vụ, xử lý thông tin, thực hiện đúng tiến độ và chủ động đóng góp ý tưởng đạt Mean = 4,00, thấp hơn nhưng vẫn ở mức cao. Kết quả quan sát cho thấy HS tham gia tích cực, có trách nhiệm, phối hợp hiệu quả trong nhóm và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của dự án.

b. Kết quả học sinh đánh giá khi thực hiện dự án

Để đánh giá quá trình tham gia thực hiện dự án, nghiên cứu sử dụng kết hợp phiếu tự đánh giá và phiếu đánh giá đồng đẳng. Kết quả được trình bày ở bảng 5 và bảng 6:

Bảng 5: Kết quả tự đánh giá của HS về quá trình thực hiện dự án

STT	Tiêu chí	Số HS	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Mean	S.D
1	Em tham gia đầy đủ các hoạt động của nhóm trong quá trình thực hiện dự án.	37	3	5	4.46	0.605
2	Em chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công đúng tiến độ.	37	3	5	4.51	0.559
3	Em có tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện dự án.	37	3	5	4.27	0.652
4	Em tích cực trao đổi, hợp tác và hỗ trợ các thành viên trong nhóm.	37	3	5	4.24	0.683
5	Em biết tìm kiếm và xử lý thông tin phục vụ dự án.	37	4	5	4.49	0.507
6	Em tích cực đóng góp ý tưởng và tham gia xây dựng sản phẩm dự án.	37	3	5	4.38	0.594
7	Em vận dụng được kiến thức kinh tế và pháp luật vào quá trình thực hiện dự án.	37	3	5	4.57	0.555
8	Em nhận thức được vai trò của đạo đức kinh doanh khi xây dựng dự án.	37	3	5	4.22	0.630
9	Em tự tin trình bày và bảo vệ ý tưởng của nhóm.	37	3	5	4.32	0.580
10	Qua dự án, em nhận thấy bản thân có sự tiến bộ về NL HT và làm việc nhóm.	37	3	5	4.51	0.607

Kết quả tự đánh giá cho thấy điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 4,22 đến 4,57. Tiêu chí “Vận dụng được kiến thức kinh tế và pháp luật vào quá trình thực hiện dự án” đạt điểm cao nhất (Mean = 4,57), trong khi tiêu chí “Nhận thức được vai trò của đạo đức kinh doanh” có điểm trung bình thấp nhất (Mean = 4,22). Độ lệch chuẩn dao động từ 0,507 đến 0,683, phản ánh sự thống nhất tương đối trong đánh giá của HS.

Bảng 6: Kết quả đánh giá đồng đẳng trong quá trình thực hiện dự án

STT	Tiêu chí	Số HS	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Mean	S.D
1	Thành viên tham gia đầy đủ các hoạt động của nhóm	37	3	5	4.59	0.599
2	Thành viên hoàn thành nhiệm vụ được phân công đúng tiến độ	37	3	5	4.54	0.558
3	Thành viên có tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện dự án	37	3	5	4.19	0.660
4	Thành viên hợp tác, trao đổi và hỗ trợ các thành viên khác	37	3	5	4.27	0.732
5	Thành viên biết tìm kiếm và xử lý thông tin phục vụ dự án	37	3	5	4.51	0.651
6	Thành viên tích cực đóng góp ý tưởng và tham gia xây dựng sản phẩm dự án	37	3	5	4.51	0.651
7	Thành viên vận dụng được kiến thức kinh tế và pháp luật trong quá trình thực hiện dự án	37	3	5	4.54	0.605
8	Thành viên thể hiện ý thức về đạo đức kinh doanh trong quá trình thực hiện dự án	37	3	5	4.22	0.672
9	Thành viên tích cực tham gia trình bày và bảo vệ sản phẩm của nhóm	37	3	5	4.35	0.633
10	Thành viên có nhiều đóng góp tích cực đối với kết quả chung của nhóm	37	3	5	4.54	0.605

Kết quả đánh giá đồng đẳng có điểm trung bình từ 4,19 đến 4,59, tương đối phù hợp với kết quả tự đánh giá. Tiêu chí “Tham gia đầy đủ các hoạt động của nhóm” đạt điểm cao nhất (Mean = 4,59), trong khi “Tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện dự án” đạt Mean = 4,19. Các tiêu chí còn lại đều đạt trên 4,20, cho thấy các thành viên đánh giá tích cực về sự tham gia và đóng góp của nhau trong quá trình thực hiện dự án. Kết quả kiểm định Paired Samples t-test cho thấy $t = -1,359$; $\text{Sig.} = 0,183 > 0,05$, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kết quả tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Điều này cho thấy HS có xu hướng tự đánh giá khá khách quan, phù hợp với nhận xét của các thành viên trong nhóm. Nhìn chung, các kết quả trên phản ánh HS tham gia dự án với tinh thần trách nhiệm, chủ động và hợp tác tích cực, qua đó góp phần phát triển các NL cần thiết trong HT.

2.3.4. Kết quả đánh giá sản phẩm dự án

Để đánh giá mức độ hoàn thành dự án của HS, nghiên cứu sử dụng rubric gồm 10 tiêu chí đánh giá về nội dung, khả năng vận dụng kiến thức kinh tế và pháp luật, tính sáng tạo, tính khả thi của phương

án kinh doanh và kĩ năng thuyết trình, phản biện, hợp tác nhóm. Kết quả được trình bày ở bảng 7 và bảng 8.

Bảng 7: Kết quả đánh giá sản phẩm dự án của các nhóm HS lớp thực nghiệm

STT	Nhóm	Điểm đánh giá	Kết quả
1	Kleap	96	I
2	123 Đô	96	I
3	Too Cool With Wool	94	II
4	Len Lơ Ngơ	92	III

Kết quả cho thấy cả bốn nhóm đều hoàn thành tốt yêu cầu của dự án với điểm đánh giá từ 92 đến 96/100. Trong đó, hai nhóm Kleap và 123 Đô đạt 96 điểm, nhóm Too Cool With Wool đạt 94 điểm và nhóm Len Lơ Ngơ đạt 92 điểm. Mặc dù có sự chênh lệch nhỏ về điểm số, các sản phẩm đều đáp ứng yêu cầu của dự án và thể hiện khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết nhiệm vụ HT.

Bảng 8: Thống kê mô tả kết quả đánh giá sản phẩm dự án theo từng tiêu chí

STT	Tiêu chí	Số nhóm	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Mean	S.D
1	Tổng quan dự án và cơ hội kinh doanh	4	10	10	10	0.0
2	Phân tích khách hàng và lợi thế cạnh tranh	4	10	10	10	0.0
3	Business Model Canvas	4	8	10	9.0	1.155
4	Phân tích SWOT	4	8	10	8.5	1.0
5	Vận dụng kiến thức kinh tế và pháp luật	4	10	10	10	0.0
6	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	4	8	10	9.5	1.0
7	Hiệu quả kinh tế và tính khả thi của dự án	4	8	10	9.0	1.155
8	Tính đổi mới sáng tạo của dự án	4	8	10	9.0	1.155
9	Kế hoạch truyền thông và minh chứng dự án	4	8	10	9.5	1.0
10	KN thuyết trình, phản biện và hợp tác nhóm	4	8	10	9.0	1.155

Kết quả thống kê cho thấy điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 8,5 đến 10,0. Ba tiêu chí “Tổng quan dự án và cơ hội kinh doanh”, “Phân tích khách hàng và lợi thế cạnh tranh” và “Vận dụng kiến thức kinh tế và pháp luật” đều đạt Mean = 10,0, phản ánh sự thống nhất và chất lượng tốt của các sản phẩm. Trong khi đó, tiêu chí “Phân tích SWOT” có điểm trung bình thấp nhất (Mean = 8,5; S.D = 1,0), cho thấy HS vẫn cần được tiếp tục rèn luyện kĩ năng phân tích môi trường kinh doanh và đánh giá rủi ro.

Kết quả đánh giá sản phẩm, kết hợp với các minh chứng thu thập trong quá trình thực hiện dự án, cho thấy HS không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ HT mà còn phát huy tính chủ động, khả năng hợp tác, tư duy sáng tạo và vận dụng kiến thức kinh tế, pháp luật vào giải quyết các tình huống thực tiễn. Điều này góp phần khẳng định hiệu quả của DH DTDA trong môn GDKTPL ở lớp 11.

2.4. Bàn luận

Kết quả thực nghiệm cho thấy việc vận dụng PPDH DTDA trong môn GDKTPL góp phần nâng cao kết quả HT, đồng thời tạo điều kiện để HS phát triển tính chủ động, tinh thần trách nhiệm, NL hợp tác và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Thomas (2000) khi cho rằng DH DTDA tạo cơ hội để người học giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn thông qua hoạt động khám phá, hợp tác và tạo ra sản phẩm HT có ý nghĩa. Đồng thời, nghiên cứu cũng thống nhất với nhận định của Bell (2010) về vai trò của DH DTDA trong việc phát triển NL tự học, giao tiếp, hợp tác và tư duy sáng tạo của HS.

Kết quả nghiên cứu cũng tương đồng với các công trình trong nước. Tác giả Phạm Mạnh Thắng (2018) cho rằng việc vận dụng DH DTDA trong môn Giáo dục công dân góp phần nâng cao hứng thú HT và NL hợp tác của HS. Tương tự, tác giả Cao Thành Tấn và cộng sự (2023) khẳng định phương pháp này giúp HS tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và phát triển các NL cần thiết trong môn GDKTPL. Những kết quả đạt được trong nghiên cứu này tiếp tục bổ sung minh chứng thực nghiệm về tính khả thi và hiệu quả của phương pháp trong DH môn GDKTPL ở trường trung học phổ thông.

Xem tiếp trang 61